

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Ngọc và ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐST-DS ngày 24/06/2025:

- Nguyên đơn: chị Trịnh Thị N, sinh năm 1998; thường trú: thôn L, C, C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh); địa chỉ: G Đường A, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Hà Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số H đường L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Hà Văn H tự nguyện yêu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết

hôn số: 26-2021, do Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) cấp ngày 04/5/2021.

Thời gian đầu, chị N và anh H chung sống với nhau hạnh phúc, sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh H cờ bạc, thường xuyên tham gia đánh bạc bất hợp pháp và không quan tâm đến gia đình. Bản thân và gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng anh H không quan tâm mà tiếp tục hành vi cờ bạc, hành vi này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, tài chính và hạnh phúc gia đình. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh H không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh H có 01 con chung tên Hà Trịnh Minh A, sinh ngày 20/10/2021. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị N yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hà Văn H: sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn anh Hà Văn H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Trịnh Thị N nhưng anh Hà Văn H không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/5/2025; tham gia phiên tòa vào các ngày 24/6/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn chị Trịnh Thị N và anh Hà Văn H do Tòa án tiến hành, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: chị N và anh H trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực số A-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn chị Trịnh Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Hà Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 24/6/2025 và ngày 24/7/2025 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị N và anh Hà Văn H tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26-2021, cấp ngày 04/5/2021.

[3] Nguyên đơn xác định, quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng giữa phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh H thường xuyên tham gia đánh bạc và không quan tâm đến gia đình, dù chị N và hai gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng anh H không thay đổi đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và hạnh phúc gia đình. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh H không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh H không đạt được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho vợ chồng, vì mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc chị Trịnh Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Trịnh Thị N và anh Hà Văn H có 01 con chung Hà Trịnh Minh A, sinh ngày 20/10/2021. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án anh Hà Văn H vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Cháu Hà Trịnh Minh A mong muốn được sống chung với mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu Hà Trịnh Minh A được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo tốt về mọi mặt nên việc giao cháu Hà Trịnh Minh A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: chị N yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Hà Trịnh Minh A mỗi tháng 3.500.000 đồng. Quá trình giải quyết, anh H không cung cấp chứng cứ thể hiện thu nhập và không có ý kiến gì về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quy định “2. *Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí*

cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Hiện nay, con chung Hà Trịnh Minh A đang sinh sống tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng từ ngày 01/7/2024 tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh là 4.960.000 đồng. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/tháng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: chị N phải chịu án phí ly hôn, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị N về việc ly hôn với bị đơn anh Hà Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Hà Văn H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 26-2021, do Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) cấp ngày 04/5/2021).

- Về con chung: anh Hà Văn H giao con chung Hà Trịnh Minh A, sinh ngày 20/10/2021 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Trịnh Thị N và anh Hà Văn H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có

yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008145 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh).

Anh Hà Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền